

BÁO CÁO

Công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng 6 tháng đầu năm 2021.

Thực hiện chương trình kế hoạch công tác thanh tra năm 2021 đã được phê duyệt, trên cơ sở những kết quả đã đạt được, UBND huyện Bắc Ái báo cáo tình hình công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng 6 tháng đầu năm 2021 như sau:

PHẦN I

CÔNG TÁC THANH TRA

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC THANH TRA:

1. Việc triển khai các cuộc thanh tra:

- Tổng số cuộc thực hiện trong kỳ: 02 cuộc, trong đó 01 cuộc triển khai từ các kỳ trước chuyển sang; 01 cuộc triển khai trong kỳ báo cáo.

- Về hình thức: 02 cuộc thanh tra theo kế hoạch.

- Về tiến độ:

+ Thanh tra quá trình hoạt động, quản lý Bò tại Ban quản lý chăn nuôi Bò huyện; quá trình hỗ trợ Bò theo Chương trình 30a, 135, 755, nông thôn mới tại UBND các xã (từ kỳ trước chuyển sang). Hiện đã ban hành kết luận thanh tra.

+ Thanh tra quá trình hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trong hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp thuộc chương trình 30a, 135 theo Quyết định 1722/QĐ-TTg, ngày 02/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ tại UBND xã Phước Bình, Phước Trung. Đã ban hành quyết định Thanh tra, hiện đang thanh tra trực tiếp tại đơn vị được thanh tra.

2) Kết luận thanh tra:

- Tổng số cuộc thanh tra đã ban hành kết luận thanh tra: 01 cuộc.

- Số đơn vị được thanh tra (đã ban hành kết luận thanh tra): 10 đơn vị (trong đó: 09 UBND xã; Ban Quản lý bò huyện)

- Phát hiện vi phạm:

+ Sai phạm liên quan đến quá trình hỗ trợ các chính sách giảm nghèo tại UBND các xã, cụ thể: kiểm điểm trách nhiệm Chủ tịch và công chức nông nghiệp UBND các xã. Liên quan đến việc thực hiện các Dự án hỗ trợ bò theo Chương trình 30a, 135, 755, nông thôn mới. Nội dung kiểm điểm: hồ sơ chưa chặt chẽ (hợp thôn nhưng không lập biên bản hợp thôn, thiếu hồ sơ biên bản); không niêm yết công khai dự án tại trụ sở UBND xã; không xây dựng kế hoạch; xây dựng Dự án chưa đảm bảo quy trình; không báo cáo kết quả thực hiện dự án với UBND huyện.

+ Sai phạm về quản lý ngân sách tại Ban Quản lý chăn nuôi bò huyện, cụ thể: Số tiền 4.150.000 đồng (gồm tiền mua võng, áo mưa, giường xếp phục vụ cho cá nhân 1.800.000 đồng; tiền mua giấy A3 750.000 đồng; tiền bảo vệ 1.600.000 đồng) do chi không đúng quy định của pháp luật.

- Kiến nghị xử lý vi phạm:

+ Xử lý về kinh tế: Thu hồi số tiền 4.150.000 đồng;

+ Xử lý trách nhiệm: kiểm điểm trách nhiệm Chủ tịch và công chức nông nghiệp UBND các xã.

3. Kết quả thực hiện kết luận thanh tra. Không

4. Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm việc thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng. Không.

II. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT:

Không có kiến nghị, đề xuất.

PHẦN II:

CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO:

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN, XỬ LÝ ĐƠN THU', GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO:

1. Công tác tiếp công dân:

Trong 6 tháng đầu năm 2021 trên địa bàn huyện đã tiếp 20 lượt công dân/20 người, cụ thể như sau:

- Tiếp công dân định kỳ của lãnh đạo UBND huyện:

Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện tiếp công dân định kỳ vào các ngày thứ 4 hàng tuần, theo đó trong 6 tháng đầu năm thông qua công tác tiếp công dân định kỳ của lãnh đạo UBND huyện không có công dân đến trình bày vụ việc.

- Tiếp công dân thường xuyên của Ban Tiếp công dân huyện: Tiếp 09 lượt công dân/09 người.

- Tiếp công dân của các phòng, ban thuộc UBND huyện: bố trí công chức, viên chức kiêm nhiệm công tác tiếp công dân, tổ chức tiếp công thường xuyên tại đơn vị. Trong 6 tháng đầu năm không có công dân đến trình bày vụ việc.

- Tiếp công dân tại UBND các xã: Tiếp 11 lượt công dân/11 người.

2. Phân loại đơn, vụ việc qua tiếp công dân

- Phân loại theo nội dung: Tiếp nhận 18 đơn/18 vụ việc. Trong đó: Các ngành tiếp nhận 07 đơn/07 vụ việc; UBND các xã tiếp nhận 11 đơn/11 vụ việc.

+ Khiếu nại: 03 đơn.

+ Tố cáo: không có đơn tố cáo.

+ Phản ánh, kiến nghị: 02 đơn.

+ Tranh chấp đất đai: 13 đơn (trong đó cấp huyện 02 đơn, cấp xã 11 đơn)

- Phân loại theo thẩm quyền giải quyết: 18 đơn/18 vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của các ngành và UBND các xã.

2. Tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn thư:

Gồm đơn nhận được qua tiếp công dân và đơn nhận từ các nguồn khác (người viết đơn gửi qua dịch vụ bưu chính, cơ quan, tổ chức, cá nhân chuyển đến theo quy định,...)

a) Tổng số đơn: 34 đơn được tiếp nhận trong kỳ báo cáo. Trong đó: Cấp huyện tiếp nhận 23 đơn; cấp xã tiếp nhận 11 đơn)

- Đã xử lý 34 đơn/ tổng số 34 đơn tiếp nhận.

- Trong 34 đơn đã xử lý có 02 đơn/02 vụ việc khiếu nại không đủ điều kiện thụ lý.

b) Phân loại, xử lý đơn

- Phân loại theo nội dung:

+ Số đơn, số vụ việc khiếu nại: 05 đơn/05 vụ việc.

+ Số đơn, số vụ việc tố cáo: 01 đơn/01 vụ việc

+ Số đơn, số vụ việc kiến nghị, phản ánh: 07 đơn/07 vụ việc

+ Số đơn tranh chấp đất đai: 21 đơn/21 vụ việc (cấp huyện 10 đơn/10 vụ việc; cấp xã 11 đơn/11 vụ việc)

- Phân loại theo tình trạng giải quyết

+ Số đơn, số vụ việc đã giải quyết: 30 đơn/30 vụ việc.

+ Số đơn, số vụ việc đang giải quyết: 04 đơn/04 vụ việc.

+ Số đơn, số vụ việc chưa giải quyết: không có đơn chưa được giải quyết

c) Kết quả xử lý đơn

- Số đơn, số vụ việc thuộc thẩm quyền: 32 đơn/32 vụ việc.

- Số đơn, số vụ việc không thuộc thẩm quyền: 02 đơn/02 vụ việc khiếu nại.

3. Kết quả giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị, tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền.

Tổng số 28 đơn đã giải quyết/tổng số 32 đơn thuộc thẩm quyền giải quyết, đạt tỷ lệ 87,5%.

a) Giải quyết đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền:

- Tổng số: 05 đơn khiếu nại. Trong đó: 03 đơn thuộc thẩm quyền giải quyết, 02 đơn không thuộc thẩm quyền giải quyết.

- Kết quả giải quyết: 03 đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết đã giải quyết (02 vụ việc đã ban hành quyết định giải quyết khiếu nại; 01 đơn đã ban hành quyết định đình chỉ giải quyết khiếu nại, lý do đã vận động người khiếu nại rút đơn) 02 đơn không thuộc thẩm quyền giải quyết đã hướng dẫn, chuyển đơn đến cơ quan chức năng giải quyết.

b) Giải quyết đơn tố cáo thuộc thẩm quyền:

- Tổng số: 01 đơn tố cáo thuộc thẩm quyền.
- Kết quả giải quyết: Đã thụ lý, chuyển cơ quan chức năng giải quyết (đang trong quá trình giải quyết).

C) Giải quyết đơn kiến nghị, phản ánh, tranh chấp đất đai.

- Tổng số đơn kiến nghị, phản ánh: 07 đơn/07 vụ việc, đã giải quyết.
- Tổng số đơn tranh chấp đất đai: 21 đơn/21 vụ việc, đã giải quyết 18 đơn, đang tiến hành giải quyết 04 đơn.

II. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT:

Không có kiến nghị, đề xuất.

PHẦN III:

CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG:

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG:

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng:

Ban hành Công văn số 72/UBND-TCD ngày 15/01/2021 của Chủ tịch UBND huyện, triển khai đến các đơn vị việc tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng trong bối cảnh đại dịch Covid-19.

Ban hành Công văn số 749/UBND-NC, ngày 26/4/2021 triển khai Thông tư số 02/2021/TT-TTCP, ngày 22/3/2021 của Thanh tra Chính phủ về quy định chế độ báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng đến các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện.

Chỉ đạo các ngành, UBND các xã nghiêm túc thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập lần đầu tại Công văn số 963/UBND-NC, ngày 25/5/2021.

2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

a) Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động:

UBND huyện ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai công tác công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, như sau.

- Công văn số 99/UBND-KT ngày 19/01/2021 của Chủ tịch UBND huyện, về việc đề nghị các đơn vị báo cáo tình hình sử dụng kinh phí năm 2020.

- Quyết định số 1918/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện, về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2021 của huyện Bắc Ái.

- Công văn số 2051/UBND-VX ngày 23/12/2020 của UBND huyện, về việc công bố danh mục thông tin được công khai và danh mục thông tin công dân được tiếp cận.

b) Kết quả xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ: không.

c) Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn: không.

d) Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn: không.

đ) Kết quả thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt:

* UBND huyện ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai công tác cải cách hành chính, như sau.

- Quyết định số 1837/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của UBND huyện, về việc ban hành kế hoạch hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021 trên địa bàn huyện.

- Công văn số 193/UBND-VX ngày 01/02/2021 của Chủ tịch UBND huyện, về việc tăng cường thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trong những ngày trước, trong và sau Tết Nguyên đán Tân Sửu 2021.

- Công văn số 44/UBND-TH ngày 12/01/2021 của Chủ tịch UBND huyện, về triển khai đến các đơn vị xây dựng kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2021.

- Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 01/02/2021 của UBND huyện, về kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2021.

- Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 27/01/2021 của UBND huyện, về kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính năm 2021.

- Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 26/01/2021 của UBND huyện, về tuyên truyền cải cách hành chính huyện Bác Ái năm 2021.

- Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 26/01/2021 của UBND huyện, về phát động phong trào thi đua cải cách hành chính huyện Bác Ái năm 2021.

- Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 19/01/2021 của UBND huyện, về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2021.

- Công văn số 394/UBND-TH ngày 03/3/2021 của UBND huyện, về việc kiểm tra, rà soát, thực hiện chuẩn hóa thủ tục hành chính trên địa bàn huyện.

- Ban hành Công văn số 736/UBND-VX, ngày 22/4/2021 về việc chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, thực hiện nghiêm quy chế làm việc.

- Ban hành Công văn số 733/UBND-VX, ngày 22/4/2021 về triển khai công tác phối hợp thực hiện cải cách hành chính.

* UBND huyện ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai việc tăng cường áp dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, điều hành hoạt động của cơ quan, đơn vị, như sau.

- Triển khai việc sử dụng tài khoản phần mềm Một cửa trong việc tiếp nhận hồ sơ tại các phòng, ban thuộc UBND huyện.

- Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 22/01/2021 của UBND huyện, về duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2015 của UBND huyện Bác Ái năm 2021.

- Triển khai Kế hoạch áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Ninh Thuận năm 2021.

- Triển khai việc cài đặt, sử dụng ứng dụng VssID – Bảo hiểm xã hội số, tại Công văn số 421/UBND-VX ngày 08/3/2021.

- Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (Tdooffice) của UBND huyện tại Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 05/3/2021.

- Ban hành Kế hoạch số 107/KH-UBND, ngày 11/5/2021 về số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính của huyện Bắc Ái, giai đoạn 2021-2025.

- Ban hành Công văn số 712/UBND-TH, ngày 19/4/2021 về tăng cường tổ chức thực hiện giải quyết thủ tục hành chính cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao điện tử từ bản chính.

- Ban hành Công văn số 829/UBND-VX, ngày 07/5/2021 về triển khai áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin trong phòng, chống dịch covid 19 trên địa bàn huyện.

* Việc đổi mới phương thức thanh toán, trả lương qua tài khoản: Tất cả các cơ quan đều thực hiện việc trả lương qua tài khoản trừ 02 đơn vị do bí mật của ngành nên không thực hiện.

e) Kết quả thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn:

Triển khai việc thực hiện kiểm soát tài sản, thu nhập lần đầu của năm 2020 đến toàn thể các phòng, ban thuộc UBND huyện, UBND các xã, tại Kế hoạch số 64/KH-UBND ngày 05/3/2021.

Kết quả báo cáo kết quả kê khai tài sản, thu nhập lần đầu năm của UBND huyện tại Báo cáo số 125/BC-UBND, ngày 11/5/2021, Cụ thể như sau:

- *Kết quả tổng hợp số liệu của khối chính quyền cấp huyện, cấp xã.*

Số cơ quan, đơn vị **phải** kê khai tài sản, thu nhập lần đầu năm 2020 là 59 cơ quan, đơn vị.

Số cơ quan, đơn vị **đã** kê khai tài sản, thu nhập lần đầu năm 2020 là 59 cơ quan, đơn vị.

Tổng số người **phải** kê khai tài sản, thu nhập lần đầu năm 2020 là 238 người.

Tổng số người **đã** kê khai tài sản, thu nhập lần đầu năm 2020 là 238 người.

- *Kết quả tổng hợp số liệu kê khai của khối Đảng, Mặt trận, Đoàn thể cấp huyện, cấp xã.*

Số cơ quan, đơn vị **phải** kê khai tài sản, thu nhập lần đầu năm 2020 là 21 cơ quan, đơn vị.

Số cơ quan, đơn vị **đã** kê khai tài sản, thu nhập lần đầu năm 2020 là 21 cơ quan, đơn vị.

Tổng số người **phải** kê khai tài sản, thu nhập lần đầu năm 2020 là 110 người.

Tổng số người **đã** kê khai tài sản, thu nhập lần đầu năm 2020 là 110 người.

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng:

Không phát hiện các trường hợp tham nhũng trên địa bàn huyện trong 6 tháng đầu năm 2021.

II. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT:

Không có kiến nghị, đề xuất.

Trên đây là báo cáo công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng 6 tháng đầu năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ trong thời gian tới, UBND huyện báo cáo UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh;
 - CT, các PCT. UBND huyện;
 - Thanh tra huyện;
- Lưu: VP. HĐND&UBND huyện; TTH.

**TU. CHỦ TỊCH
CHÍNH THANH TRA**



Hoàng Văn Tâm



TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA HÀNH CHÍNH

Số liệu tính từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/6/2021
(Kèm theo báo cáo số: 197/BC-UBND ngày 14/6/2021 của UBND huyện)

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng), đất (m²)

Đơn vị	Số cuộc thanh tra thực hiện trong kỳ					Đã ban hành kết luận	Số đơn vị được thanh tra	Tổng vi phạm về kinh tế		Kiến nghị xử lý								
	Tổng số	Phân loại						Tiền và tài sản quy thành tiền	Đất (m ²)	Thu hồi về NSNN		Xử lý khác về kinh tế		Hành chính		Chuyển cơ quan điều tra		Hoàn thiện cơ chế, chính sách (số văn bản)
		Triển khai từ kỳ trước chuyển sang	Triển khai trong kỳ	Theo Kế hoạch	Đột xuất					Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng	
Ms	1=2+3=4+5	2	3	4	5	6	7	8=10+12	9=11+13	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	02	01	01	02	0	01	12	4,150	0	4,150	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng																		

19. Ghi chú:**Hướng dẫn cách ghi biểu:**

- Biểu này là biểu tổng hợp về thanh tra hành chính, bao gồm cả số liệu tại các biểu 03/TTr, 04/TTr, 05/TTr và thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra, TCD, KNTC, PCTN
- Cột “đơn vị” để ghi tên các đơn vị trực thuộc
- Cột (1) = Cột (2) + (3) = Cột (4) + (5)
- Cột (2): Số cuộc thanh tra triển khai từ các kỳ báo cáo trước chuyển sang, chưa ban hành kết luận hoặc ban hành kết luận trong kỳ này
- Số liệu từ cột (7) đến cột (18) là số liệu tổng hợp từ các kết luận thanh tra đã ban hành trong kỳ báo cáo (nêu tại Cột (6))
- Cột (7): Số cơ quan, tổ chức được thanh tra theo kết luận thanh tra
- Cột (8)=(10)+(12): Tổng số tiền vi phạm phát hiện qua kết luận thanh tra gồm: tiền VNĐ, ngoại tệ được quy đổi thành tiền VNĐ theo tỉ giá của NHNN Việt Nam tại thời điểm kết luận thanh tra và tài sản quy thành tiền VNĐ
- Cột (9)=(11)+(13): Tổng diện tích đất vi phạm theo kết luận thanh tra
- Cột (12): Số tiền kiến nghị xử lý khác (ngoài kiến nghị thu hồi, bao gồm: Xuất toán, loại khỏi giá trị quyết toán, miễn giảm tiền thuê đất...)
- Cột (13): Số diện tích đất kiến nghị xử lý khác (ngoài kiến nghị thu hồi, bao gồm: điều chỉnh mục đích sử dụng đất, bổ sung hồ sơ hoàn thiện thủ tục,...)
- Nội dung ghi chú thể hiện ở dòng 19 (nếu có)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN THANH TRA HÀNH CHÍNH

Số liệu tính từ ngày 16/12/2020 đến ngày 14/6/2021

(Kèm theo báo cáo số: /BC-UBND ngày 14/6/2021 của UBND huyện)

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng), đất (m²)

Đơn vị	Kết luận thanh tra phải thực hiện		Tiến độ thực hiện kết luận		Thu hồi về ngân sách nhà nước				Xử lý khác về kinh tế				Xử lý hành chính				Chuyển cơ quan điều tra		Hoàn thiện về cơ chế chính sách (số văn bản)			
	Tổng số	Trong đó số kết luận được kiểm tra trực tiếp	Số kết luận đã hoàn thành	Số kết luận chưa hoàn thành	Tiền (Tr.đ)		Đất (m ²)		Tiền (Tr.đ)		Đất (m ²)		Tổng số phải xử lý		Xử lý trong kỳ		Đã chuyển cơ quan điều tra		Khởi tố trong kỳ		Tổng số kiến nghị phải hoàn thiện	Số kiến nghị đã thực hiện xong
					Tổng số tiền phải thu	Số tiền đã thu trong kỳ	Tổng số đất phải thu	Số đất đã thu trong kỳ	Tổng số tiền phải xử lý khác	Số tiền đã xử lý khác trong kỳ	Tổng số đất phải xử lý khác	Số đất đã xử lý khác trong kỳ	Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng	Vụ	Đối tượng		
MS	1=3+4	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
	01	0	0	01	4,150	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

23. Ghi chú:

Hướng dẫn cách ghi biểu:

- Cột "Đơn vị" để ghi tên các đơn vị trực thuộc
- Cột (1)=3+4: Tổng số kết luận thanh tra được thực hiện đôn đốc, kiểm tra trong kỳ báo cáo
- Cột (2): Số kết luận thanh tra được kiểm tra trực tiếp nằm trong tổng số kết luận thanh tra được kiểm tra, đôn đốc ở cột (1): Cột (2) <= (1)
- Từ Cột (3) là số liệu tổng hợp về kết quả thực hiện các kết luận thanh tra nêu tại Cột (1)
- Cột (3): Số kết luận thanh tra đã hoàn thành 100% việc thực hiện các kiến nghị nêu tại kết luận
- Cột (5): Tổng số tiền phải thu hồi về ngân sách nhà nước trong báo cáo, gồm số tiền phải thu từ các kết luận trong kỳ + số tiền chưa thu được từ các kết luận kỳ trước chuyển sang
- Cột (6): Tổng số tiền đã thu hồi về ngân sách nhà nước trong kỳ báo cáo: (6) <= (5)
- Cột (7): Tổng diện tích phải thu hồi về ngân sách nhà nước trong kỳ báo cáo, gồm số diện tích đất phải thu từ các kết luận trong kỳ + số diện tích đất chưa thu được từ các kết luận kỳ trước chuyển sang
- Cột (8): Tổng diện tích đất đã thu hồi về ngân sách nhà nước trong kỳ báo cáo: Cột (8) <= (7)
- Cột (9): Tổng số tiền phải xử lý khác (xuất toán, loại khỏi giá trị quyết toán, miễn giảm tiền thuê đất...) trong kỳ báo cáo, gồm số tiền phải xử lý khác từ các kết luận trong kỳ + số tiền chưa thực hiện xử lý khác từ các kết luận kỳ trước chuyển sang
- Cột (10): Tổng số tiền đã xử lý khác trong kỳ báo cáo: Cột (10) <= (9)
- Cột (11): Tổng diện tích đất phải xử lý khác trong kỳ báo cáo, gồm số đất phải xử lý khác từ các kết luận trong kỳ + số đất chưa thực hiện xử lý khác từ các kết luận kỳ trước chuyển sang
- Cột (12): Tổng diện tích đất đã xử lý khác trong kỳ báo cáo: Cột (12) <= (11)
- Nội dung ghi chú thể hiện ở dòng 23 (nếu có)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TIẾP CÔNG DÂN THƯỜNG XUYỀN, ĐỊNH KỲ VÀ ĐỘT XUẤT

Số hiệu tính từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/6/2021

(Kèm theo Báo cáo số: 137/BC-UBND ngày 16/6/2021 của UBND huyện)

Đơn vị	Tổng số lượt tiếp	Tổng số người được tiếp	Tổng số vụ việc tiếp	Tiếp thường xuyên										Tiếp định kỳ và đột xuất của Thủ trưởng															
				Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc					Trong đó đoàn đông người					Thủ trưởng tiếp					Ủy quyền tiếp								
						Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp	Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Số ký tiếp	Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc					Số ký tiếp	Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc						
															Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp	Tiếp lần đầu				Tiếp nhiều lần	Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp	Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần
MS	1=4+13+22	2=5+14+23	3=6+7+15+16+24+25	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
Cấp huyện	09	09	09	09	09	09	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Cấp xã	11	11	11	11	11	11	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Tổng	20	20	20	20	20	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		

30. Ghi chú:

Hướng dẫn cách ghi biểu

- Đây là Biểu tổng hợp kết quả chung về tiếp công dân qua công tác tiếp dân thường xuyên, định kỳ và đột xuất của thủ trưởng
- Cột "Đơn vị" để ghi tên các đơn vị trực thuộc
- Cột (1) = (4) + (13) + (22) là Tổng số lượt tiếp, gồm số lượt tiếp thường xuyên và số lượt tiếp của thủ trưởng (trực tiếp hoặc ủy quyền tiếp)
- Cột (2) = (5) + (14) + (23) là Tổng số người được tiếp, bao gồm tiếp thường xuyên và tiếp của thủ trưởng (trực tiếp hoặc ủy quyền tiếp)
- Cột (3) = (6) + (7) + (15) + (16) + (24) + (25): là Tổng số vụ việc tiếp, gồm số vụ việc tiếp thường xuyên và số vụ việc thủ trưởng tiếp (trực tiếp hoặc ủy quyền tiếp)
- Vụ việc tiếp nhiều lần là vụ việc tiếp từ hai lần trở lên: các Cột (7), (11), (16), (20), (25), (29)
- Đoàn đông người là đoàn có từ 5 người trở lên
- Đối với vụ việc tiếp công dân thường xuyên có thủ trưởng tiếp thì chỉ nhập số liệu 1 lần vào mục thủ trưởng tiếp
- Cột (6): Số vụ việc tiếp lần đầu thông qua hoạt động tiếp công dân thường xuyên, bao gồm cả số vụ việc tiếp lần đầu đối với đoàn đông người (cột 10).
- Cột (7): Số vụ việc tiếp từ lần thứ hai trở lên thông qua hoạt động tiếp công dân thường xuyên, bao gồm cả số vụ việc tiếp nhiều lần đối với đoàn đông người (cột 11).
- Tổng số đoàn đông người được tiếp = Cột (8) + (17) + (26)
- Nội dung ghi chú viết vào dòng 30 (nếu có)



TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN LOẠI, XỬ LÝ ĐƠN QUA TIẾP CÔNG DÂN

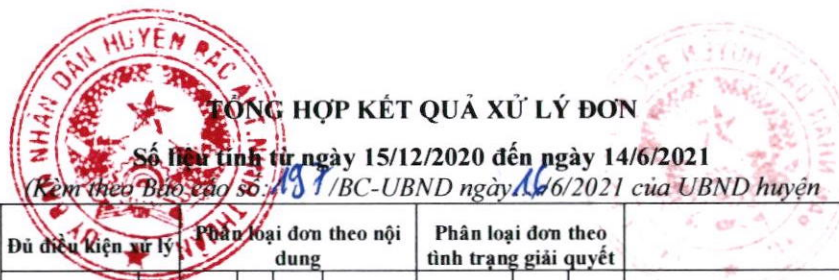
Số liệu tính từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/6/2021

(Kèm theo Báo cáo số: 197/BC-UBND ngày 16/6/2021 của UBND huyện)

Đơn vị	Tổng số đơn nhận được qua tiếp công dân	Tổng số vụ việc được tiếp	Phân loại theo nội dung								Phân loại theo thẩm quyền								Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn	Ghi chú	
			Khiếu nại		Tố cáo		Phản ánh, kiến nghị		Tranh chấp đất đai		Thuộc thẩm quyền		Không thuộc thẩm quyền								
			Số đơn	Số vụ việc	Số đơn	Số vụ việc	Số đơn	Số vụ việc	Số đơn	Số vụ việc	Số đơn	Số vụ việc	Số đơn	Số vụ việc							
														Tổng	Hướng dẫn	Chuyển đơn	Đơn đốc giải quyết				
MS	1=3+5+7=9+11	2=4+6+8=10+12	3	4	5	6	7	8			9	10	11	12	13	14	15	16	17		
Cấp huyện	07	07	03	03	0	0	02	02	02	02	07	07	0	0	0	0	0	0			
Cấp xã	11	11	0	0	0	0	0	0	11	11	11	11	0	0	0	0	0	0			
Tổng	18	18	03	03	0	0	02	02	13	13	18	18	0	0	0	0	0	0			

18. Ghi chú:**Hướng dẫn cách ghi biểu**

- Đây là biểu tổng hợp kết quả phân loại, xử lý đơn tiếp nhận qua tiếp công dân. Kết quả xử lý đơn thống kê tại biểu này được tổng hợp chung vào kết quả xử lý đơn tại các biểu 01/XLD, 02/XLD, 03/XLD, 04/XLD
- Cột "Đơn vị" để ghi tên các đơn vị trực thuộc
- Cột (1) = (3) + (5) + (7) = (9) + (11) là Tổng số đơn nhận được qua tiếp công dân
- Cột (2) = (4) + (6) + (8) = Cột (10) + (12) = Cột (3) thuộc Biểu 01/TCD, là Tổng số vụ việc (khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh) được tiếp
- Cột (3): Tổng số đơn khiếu nại nhận được qua tiếp công dân
- Cột (4): Tổng số vụ việc khiếu nại được tiếp. Tương tự với các cột (5), (6), (7), (8) đối với tố cáo, phản ánh, kiến nghị
- Cột (9): Tổng số đơn thuộc thẩm quyền được tiếp, gồm đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền
- Cột (10): Tổng số vụ việc thuộc thẩm quyền được tiếp, gồm vụ việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền
- Cột (11): Tổng số đơn không thuộc thẩm quyền được tiếp, gồm đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh không thuộc thẩm quyền
- Cột (12): Tổng số vụ việc không thuộc thẩm quyền được tiếp, gồm vụ việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh không thuộc thẩm quyền
- Cột (14): Số vụ việc chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết, chỉ thống kê số vụ việc chuyển lần đầu. Các vụ việc chuyển từ lần thứ 2 kèm theo đơn đốc thì thống kê vào cột (15)
- Nội dung ghi chú viết vào dòng 18 hoặc cột 17 (nếu có)



TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN

Số liệu tính từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/6/2021

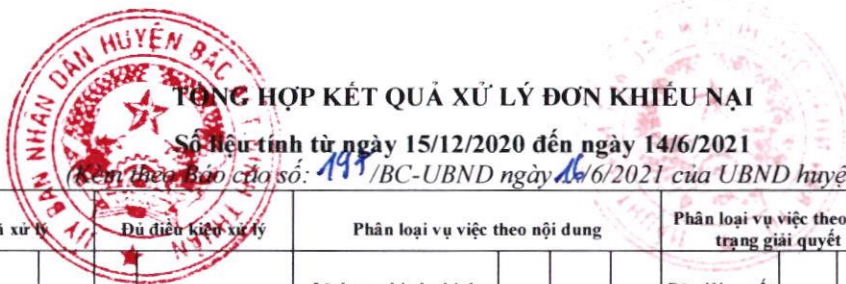
(Kèm theo Báo cáo số 198/BC-UBND ngày 16/6/2021 của UBND huyện)

Đơn vị	Tổng số đơn	Kỳ trước chuyển sang			Tiếp nhận trong kỳ			Số đơn đã xử lý	Đủ điều kiện xử lý					Phân loại đơn theo nội dung				Phân loại đơn theo tình trạng giải quyết				Kết quả xử lý đơn								Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn	Ghi chú
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác		Số đơn	Số vụ việc	Khiếu nại	Tố cáo	Kiến nghị, phản ánh	Tranh chấp đất đai	Đã giải quyết		Đang giải quyết	Chưa giải quyết	Đơn thuộc thẩm quyền				Đơn không thuộc thẩm quyền								
															Lần đầu	Nhiều lần			Tổng số	Khiếu nại	Tố cáo	Kiến nghị, phản ánh	Tranh chấp đất đai	Tổng số	Hướng dẫn	Chuyển đơn	Đơn đốc giải quyết				
MS	1=2+3+...+7	2	3	4	5	6	7	8	9=11+12+13 =14+15+16+17 =18+22	10	11	12	13		14	15	16	17	18= 19+20+21	19	20	21		22= 23+24+25	23	24	25	26			
Cấp huyện	23	0	0	0	0	23	0	23	21	21	05	01	07	10	17	0	04	0	21	03	01	07	10	02	0	02	0	0			
Cấp xã	11	0	0	0	0	11	0	11	11	11	0	0	0	11	11	0	0	0	11	0	0	0	11	0	0	0	0	0			
Tổng	34	0	0	0	0	34	0	34	32	32	05	01	07	21	28	0	04	0	32	03	01	07	21	02	0	02	0	0			

27. Ghi chú:

Hướng dẫn cách ghi biểu

- Đây là biểu tổng hợp về kết quả xử lý đơn chung (đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh), bao gồm đơn nhận được qua tiếp công dân và đơn nhận từ các nguồn khác (gửi qua dịch vụ chuyển phát, cơ quan khác chuyên,...)
- Số liệu tại Biểu này là số liệu tổng hợp từ các biểu 02/XLD, 03/XLD, 04/XLD
- Cột "Đơn vị" để ghi tên các đơn vị trực thuộc
- Cột (1) = Cột (2) + (3) + (4) + (5) + (6) + (7)
- Cột (2), (5): Đơn có từ 02 người đứng tên trở lên
- Cột (2) + (5) = Cột (2) + (4) thuộc Biểu 02/XLD + Cột (2) + (5) thuộc Biểu 03/XLD + Cột (2) + (5) thuộc Biểu 04/XLD
- Cột (3) + (6) = Cột (3) + (5) thuộc Biểu 02/XLD + Cột (3) + (6) thuộc Biểu 03/XLD + Cột (3) + (6) thuộc Biểu 04/XLD
- Cột (4): Là số đơn kỳ trước chuyển sang còn lại, ngoài số đơn đã xác định được ở cột (2), (3). VD: đơn không rõ danh tính người có đơn,...)
- Cột (4) + (7) = Cột (4) + (7) thuộc Biểu 03/XLD + Cột (4) + (7) thuộc Biểu 04/XLD
- Cột (7): Là số đơn tiếp nhận trong kỳ còn lại, ngoài số đơn đã xác định được ở cột (5), (6), VD: đơn không rõ danh tính người có đơn,...)
- Cột (8): Số đơn đã hoàn thành quy trình xử lý đơn (ra kết quả cuối cùng: lưu, hướng dẫn, chuyển ...) theo quy định; Cột (8) <= Cột (1)
- Cột (9) = Cột (11) + (12) + (13) = Cột (14) + (15) + (16) + (17) = Cột (18) + (22)
- Cột (10) = Cột (10) thuộc Biểu 02/XLD + Cột (12) thuộc Biểu 03/XLD + Cột (12) thuộc Biểu 04/XLD
- Từ Cột (9) trở đi là số liệu tổng hợp đối với các đơn đủ điều kiện xử lý (đã thống kê tại Cột (8))
- Cột (11) = Cột (9) thuộc Biểu 02/XLD
- Cột (12) = Cột (11) thuộc Biểu 03/XLD
- Cột (13) = Cột (11) thuộc Biểu 04/XLD
- Cột (15): Là số đơn cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã giải quyết từ 2 lần trở lên (giải quyết khiếu nại lần 2, giải quyết tố cáo tiếp khi đã có kết luận nội dung tố cáo lần đầu; giải quyết lần 2 trở lên đối với đơn kiến nghị, phản ánh)
- Cột (16): đã thụ lý, giải quyết theo quy định nhưng chưa có quyết định giải quyết khiếu nại, kết luận nội dung tố cáo, kết quả giải quyết kiến nghị, phản ánh
- Cột (17): chưa thực hiện trình tự thụ lý, giải quyết theo quy định
- Cột (18) = (19) + (20) + (21) là tổng số đơn thuộc thẩm quyền



TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN KHIẾU NẠI

Số liệu tính từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/6/2021

(tính theo báo cáo số: 199/BC-UBND ngày 14/6/2021 của UBND huyện)

Đơn vị	Tổng số đơn	Đơn kỳ trước chuyển sang				Đơn tiếp nhận đơn trong kỳ				Đơn đã xử lý			Đủ điều kiện xử lý		Phân loại vụ việc theo nội dung						Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết					Kết quả xử lý						Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn có một người đứng tên	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn có một người đứng tên	Tổng	đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Số đơn	Số vụ việc	Lĩnh vực hành chính				Lĩnh vực tư pháp	Lĩnh vực Đảng, đoàn thể	Lĩnh vực khác	Đã giải quyết			Chưa giải quyết	Vụ việc thuộc thẩm quyền			Vụ việc không thuộc thẩm quyền							
											Tổng	Chế độ, chính sách	Đất đai, nhà cửa	Khác				Lần đầu	Lần 2	Đã có bản án của tòa		Tổng	Hướng dẫn	Chuyên đơn	Đơn đốc giải quyết							
MS	1=2+...+5	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9	10=11+15+16+17=18+...+22=23+26	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23=24+25	24	25	26 = 27+28+29	27	28	29	30		
Cấp huyện	05	0	0	0	05	05	0	05	03	03	0	03	0	0	0	0	0	03	0	0	0	0	03	03	0	02	0	02	0	0		
Cấp xã	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
Tổng	05	0	0	0	05	05	0	05	03	03	0	03	0	0	0	0	0	03	0	0	0	0	03	03	0	02	0	02	0	0		

31. Ghi chú:

Hướng dẫn cách ghi biểu

- Đây là biểu chi tiết về kết quả xử lý đơn khiếu nại nhận được qua tiếp công dân và nhận từ các nguồn khác (gửi qua dịch vụ chuyển phát, cơ quan khác chuyển,...)
- Số liệu tại Biểu này nằm trong số liệu tổng hợp tại Biểu 01/XLD
- Cột (1) = (2) + (3) + (4) + (5)
- Cột (2), (4): Đơn có từ 02 người đứng tên trở lên
- Cột (6) = (7) + (8): Là tổng số đơn khiếu nại đã hoàn thành quy trình xử lý (ra kết quả cuối cùng) theo quy định, nêu tại các cột từ (23)-(29)
- Cột (9) = Cột (11) ở Biểu số 01/XLD
- Cột (10) = (11) + (15) + (16) + (17) = (18) + (19) + (20) + (21) + (22) = (23) + (26)
- Từ Cột (11) trở đi là số liệu tổng hợp đối với các vụ việc khiếu nại đủ điều kiện xử lý (thống kê tại Cột (10))
- Cột (12) Chế độ, chính sách như: việc thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động, người có công,...
- Cột (13) Đất đai, nhà cửa như: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, cấp giấy chứng nhận QSDT, thu hồi, đòi đất, nhà,...
- Cột (15) Lĩnh vực tư pháp như: Điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án,...
- Cột (16) Lĩnh vực Đảng, đoàn thể như: liên quan đến vi phạm điều lệ, kỷ luật Đảng, đoàn thể...
- Cột (18): đã có quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của cơ quan có thẩm quyền
- Cột (19): đã có quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 của cơ quan có thẩm quyền
- Cột (20): đã thụ lý, giải quyết theo quy định nhưng chưa có quyết định giải quyết khiếu nại
- Cột (23) = (24) + (25)
- Cột (26) = (27)+(28)+(29)
- Cột (29): Thống kê số vụ việc có văn bản đôn đốc hoặc chuyên đơn từ lần thứ 2 trở lên do chưa nhận được kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền
- Nội dung ghi chú viết vào dòng 31 (nếu có)



TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN TỐ CÁO

Số liệu tính từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/6/2021

(Kể theo Báo cáo số: 197/BC-UBND ngày 16/6/2021 của UBND huyện)

Đơn vị	Tổng số đơn	Đơn kỳ trước chuyển sang						Đơn tiếp nhận đơn trong kỳ						Đơn đã xử lý						Phân loại vụ việc theo nội dung						Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết						Kết quả xử lý						Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn
		Đơn có khiếu người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Đơn có khiếu người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Tổng	Đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Số đơn	Số vụ việc	Lĩnh vực hành chính					Tham nhũng	Lĩnh vực Tư pháp	Lĩnh vực Đảng, đoàn thể	Lĩnh vực khác	Chưa giải quyết, trong hạn	Đang giải quyết	Tố cáo tiếp		Vụ việc thuộc thẩm quyền			Vụ việc không thuộc thẩm quyền									
													Tổng cộng	Chế độ, chính sách	Đất đai, nhà cửa	Công chức, công vụ	Khác							Tổng số	Tố cáo lần đầu	Tố cáo tiếp	Tổng số	Hướng dẫn	Chuyển đơn	Đình đóc giải quyết								
MS	1-2-...-7	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12-13-18-...-21-22-...-25-26-29	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26-27-28	27	28	29-30-31-32	30	31	32	33					
Cấp huyện	01	0	0	0	0	01	0	01	0	01	01	01	01	0	0	01	0	0	0	0	0	0	01	0	0	01	01	0	0	0	0	0						
Cấp xã	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0						
Tổng	01	0	0	0	0	01	0	01	0	01	01	01	01	0	0	01	0	0	0	0	0	0	01	0	0	01	01	0	0	0	0	0						

34. Ghi chú:

Hướng dẫn cách ghi biểu

- Đây là biểu chi tiết về kết quả xử lý đơn tố cáo, bao gồm đơn tố cáo nhận được qua tiếp công dân và nhận từ các nguồn khác (gửi qua dịch vụ chuyển phát, cơ quan khác chuyển,...)
- Số liệu tại Biểu này nằm trong số liệu tổng hợp tại Biểu 01/XLD
- Cột (1) = Cột (2) + (3) + (4) + (5) + (6) + (7)
- Cột (2), (5): Đơn có từ 02 người đứng tên trở lên
- Cột (4): Là số đơn kỳ trước chuyển sang còn lại, ngoài số đơn đã xác định được ở cột (2), (3). VD: đơn không rõ danh tính người có đơn,...)
- Cột (7): Là số đơn tiếp nhận trong kỳ còn lại, ngoài số đơn đã xác định được ở cột (5), (6), VD: đơn không rõ danh tính người có đơn,...)
- Cột (8) = (9) + (10): Là tổng số đơn tố cáo đã hoàn thành quy trình xử lý (ra kết quả cuối cùng) theo quy định, nêu tại các cột từ (26)-(32)
- Cột (11) = Cột (12) ở Biểu 01/XLD
- Cột (12) = (13) + (18) + (19) + (20) + (21) = (22) + (23) + (24) + (25) = (26) + (29)
- Từ Cột (13) trở đi là số liệu tổng hợp đối với các vụ việc tố cáo đủ điều kiện xử lý (thống kê tại Cột (12))
- Cột (14) Chế độ, chính sách như: việc thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động, người có công,...
- Cột (15) Đất đai, nhà cửa như: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, cấp giấy chứng nhận QSDT, thu hồi, đòi đất, nhà,...
- Cột (19) Lĩnh vực tư pháp như: Điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án,...
- Cột (20) Lĩnh vực Đảng, đoàn thể như: liên quan đến vi phạm điều lệ, kỷ luật Đảng, Đoàn thể,...
- Cột (22): Chưa thực hiện trình tự thụ lý, giải quyết nhưng trong thời hạn theo quy định
- Cột (23): Đã thụ lý, giải quyết theo quy định nhưng chưa có kết luận nội dung tố cáo
- Cột (26) = Cột (27) + (28)
- Cột (29) = Cột (30) + (31) + (32)
- Cột (31): Thống kê số vụ việc có văn bản đôn đốc hoặc chuyển đơn từ lần thứ 2 trở lên do chưa nhận được kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền
- Nội dung ghi chú viết vào dòng 34 (nếu có)



TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH

Số liệu tính từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/6/2021

(Kèm theo Báo cáo số: 197/BC-UBND ngày 16/6/2021 của UBND huyện)

Đơn vị	Tổng số đơn	Đơn kỳ trước chuyển sang			Đơn tiếp nhận đơn trong kỳ			Đã xử lý trong kỳ			Đủ điều kiện xử lý		Phân loại vụ việc theo nội dung				Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết			Kết quả xử lý			Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn	
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Tổng số	Đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Số đơn	Số vụ việc	Chế độ, chính sách	Đất đai	Tư pháp	Khác	Đã được giải quyết	Đang giải quyết	Chưa được giải quyết	Vụ việc thuộc thẩm quyền	Vụ việc không thuộc thẩm quyền			
		2	3	4	5	6	7	8=9+10	9	10	11	12=13+...+16=17+...+19=20+21	13	14	15	16	17	18	19	20	Tổng số	Chuyển đơn	Đón đốc giải quyết	24
MS	1=2+...+7	2	3	4	5	6	7	8=9+10	9	10	11	12=13+...+16=17+...+19=20+21	13	14	15	16	17	18	19	20	21=22+23	22	23	24
Cấp huyện	07	0	0	0	0	07	0	07	0	07	07	07	0	07	0	0	07	0	0	07	0	0	0	0
Cấp xã	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	07	0	0	0	0	07	0	07	0	07	07	07	0	07	0	0	07	0	0	07	0	0	0	0

25. Ghi chú:

Hướng dẫn cách ghi biểu

- Đây là biểu chi tiết về kết quả xử lý đơn kiến nghị, phản ánh nhận được qua tiếp công dân và nhận từ các nguồn khác (gửi qua dịch vụ chuyển phát, cơ quan khác chuyển,...)
- Số liệu tại Biểu này nằm trong số liệu tổng hợp tại Biểu 01/XLD
- Cột (1) = Cột (2) + (3) + (4) + (5) + (6) + (7)
- Cột (2), (5): Đơn có từ 02 người đứng tên trở lên
- Cột (4): Là số đơn kỳ trước chuyển sang còn lại, ngoài số đơn đã xác định được ở cột (2), (3), VD: đơn không rõ danh tính người có đơn,...)
- Cột (7): Là số đơn tiếp nhận trong kỳ còn lại, ngoài số đơn đã xác định được ở cột (5), (6), VD: đơn không rõ danh tính người có đơn,...)
- Cột (8) = Cột (9) + (10): Là tổng số đơn kiến nghị, phản ánh đã có kết quả xử lý cuối cùng (nêu tại các cột (20) - (23))
- Cột (11) = Cột (13) ở Biểu 01/XLD
- Cột (12) = Cột (13) + (14) + (15) + (16) = Cột (17) + (18) + (19) = Cột (20) + (21)
- Từ Cột (13) trở đi là số liệu tổng hợp đối với các vụ việc kiến nghị, phản ánh đủ điều kiện xử lý (thống kê tại Cột (12))
- Cột (17): Đã giải quyết và có kết luận, trả lời người kiến nghị, phản ánh
- Cột (18): Đã thực hiện việc thụ lý, giải quyết nhưng chưa có kết luận, trả lời người kiến nghị, phản ánh
- Cột (19): Chưa thực hiện việc thụ lý, giải quyết
- Cột (21) = (22) + (23)
- Cột (23): Thống kê số vụ việc có văn bản đón đốc hoặc chuyển đơn từ lần thứ 2 trở lên do chưa nhận được kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền
- Nội dung ghi chú viết vào dòng 25 (nếu có)